

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC KẠN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

Số: /TB - KSBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2022

THÔNG BÁO

V/v mời cung cấp báo giá trang thiết bị y tế chẩn đoán Invitro

Để phục vụ cho công tác chuyên môn cũng như việc đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn có nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế chẩn đoán Invitro (chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn thông báo để các nhà thầu có kinh doanh các mặt hàng theo phụ lục, quan tâm cung cấp báo giá cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn.

Thời gian nhận báo giá: Báo giá xin gửi về địa chỉ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn, Số 96, tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn trước ngày 10/9/2022 trong giờ hành chính.

Thông tin liên hệ: Bs Lường Thị Nguyệt, Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn. Điện thoại 0209.3878276; ĐD 0988124431.

Nơi nhận:

Bản điện tử:

- BGĐ Trung tâm;

- Khoa Dược VTYT;

Bản giấy:

- Lưu: VT, KH-NV.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tôn

PHỤ LỤC DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CHẨN ĐOÁN INVITRO

(Kèm theo Thông báo số /TB-KSBT ngày tháng năm 2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Kạn)

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm theo thông tư 14/2020	Giấy phép lưu hành/GPNK	Số lượng	Đơn giá (VNĐ đã có VAT)	Thành tiền (đã có VAT VNĐ)
I. VẬT TƯ												
1	Cốc đựng mẫu	SAMPLE CUP, 2.0ML	Cốc đựng mẫu	1000 cái/Túi	Túi					01		
2	Giấy in điện tim 12 cần tập Nihon Kohden FQW 210-10-295 (NK210295/250S)	Sonomed/ NK210295/250S	Kích thước: 210mm x 295mm x 250 tờ, dạng tập	250 tờ/xấp	Xấp					02		
3	Châm răng loại 1	Dụng cụ dùng trong nha khoa	Chất liệu thép không gỉ, đạt tiêu chuẩn ISO		Cái					06		
4	Dụng cụ, vật liệu tiêu hao dùng trong nha khoa	Disposable Saliva Ejector	Dùng để thăm khám, cách ly và lấy dấu bệnh nhân trong nha khoa		Túi					01		
5	Cement Fuji IX GP A3/A3.5 (15gr+8gr)	A3/A3.5 (15gr+8gr)	Cement trám hoàn tất (15g+ 8g)	Hộp	Hộp					01		
6	Vật liệu trám răng	T com A3	Dùng cho nha khoa, dùng để hàn, trám răng							01		
7	Mũi khoan nha khoa- Diamond Burs (830-0xxF-FG)	Diamond Burs	Mũi khoan kim cương trụ chóp nhọn viên đỏ đường kính 1.0mm đến 1.4mm	Vi/ 5 cái	Cái					02		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Mũi khoan nha khoa - Diamond Burs (802-010M-FG)	Diamond Burs	Mũi khoan tròn phần cổ có kim cương, đầu tròn, dùng cho tay khoan nhanh, đường kính 1mm	Vi/ 5cái	Cái					02		
9	Dụng cụ, vật liệu tiêu hao dùng trong nha khoa	Prophy Brush Transparent	Chiều dài: 19 mm, dùng với tay khoan nhanh	100 cái/hộp	Hộp					01		
II. HÓA CHẤT												
1	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	HIT Cleanser	Dùng cho việc bảo trì và làm sạch máy phân tích huyết học	Hộp 1Lít	Hộp					04		
2	Chất chuẩn máy đếm tế bào	BD FACSCount™ Control Kit	Hạt bead có 4 nồng độ : zero, thấp, trung bình và cao; 2 cặp ống với các màu trên nắp: zero (màu vàng), thấp (đỏ), trung bình (xanh dương), cao (tím); Dùng để thiết lập đường tuyến tính trước khi chạy mẫu.	Hộp 25 test	Hộp							
3	Hóa chất dùng cho máy đếm tế bào CD4	BD FACSCount™ CD4	Dùng để đếm số lượng tuyệt đối tế bào T CD3/CD4/CD8 trong việc chẩn đoán suy giảm miễn dịch. Tương thích sử dụng với máy phân tích dòng chảy tế bào BD Facscount của Hãng Becton, Dickinson and company. Dạng dung dịch, bảo quản 2°C–8°C	Hộp 50 test	Hộp					01		
4	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng cho máy phân tích sinh hóa	Hemolyzing Reagent	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	1000 ml	Hộp					06		
5	Môi trường vi sinh Plate Count Agar 500g	Môi trường khô	Môi trường xét nghiệm vi sinh	Chai 500 g	Chai					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Huyết tương khô đông khô	TraceSerum™	Rabbit Plasma hồi phục trên EDTA và đông khô được sử dụng để phát hiện Staphylocoagulase Staphylococcus aureus sản xuất hai loại coagulase: - Coagulase ngoại bào phản ứng với prothrombin huyết tương; - coagulase liên kết, kết dính với thành vi khuẩn, phản ứng với chất ức chế huyết tương để tạo gây ra hiện tượng máu đông.	10 lọ/ Khay	Lọ					20		
7	Chất thử/Hóa chất định danh vi sinh vật	OXIDASE TEST STICK	Thử nghiệm nhanh để phát hiện hoạt tính của enzym cytochrome oxidase - Thành phần: Mỗi que được tẩm dung dịch N, N, N', N'-tetramethyl-p-phenylenediamine dihydrochloride. - Bảo quản: 2-8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 50 test	Hộp					01		
8	Que cấy chủng chuẩn Cultiloop- Remel	Enterococcus faecalis ATCC® 29212™	Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn ATCC của Hoa Kỳ. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng. Que chủng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước.	Mỗi hộp gồm 5 queye được gói riêng	Hộp					01		
9	Que cấy chủng chuẩn Cultiloop- Remel	Pseudomonas aeruginosa ATCC® 27853™	Que chủng chuẩn vi sinh Culti-Loop có trình bày là que cấy nhựa được tẩm trên đầu có vòng cấy mẫu vi sinh được thu thập từ thư viện chủng chuẩn ATCC của Hoa Kỳ. Mẫu vi sinh được bảo quản trong gel khô để đảm bảo khả năng phục hồi tốt khi sử dụng.	Mỗi hộp gồm 5 queye được gói riêng	Hộp					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Que chùng chuẩn có thể sử dụng trực tiếp trên đĩa thạch mà không cần phải cấy phục hồi trước.									
10	Chùng chuẩn vi sinh vật	Clostridium perfringens ATCC ® 13124	Chùng chuẩn có dạng viên đông khô, môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chùng vi sinh vật. Dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chùng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 - Bảo quản: 2°C đến 8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 5 viên	Hộp					01		
11	Chùng chuẩn vi sinh vật	Aspergillus brasiliensis NCPF 2275 (ATCC ® 16404)	Chùng chuẩn có dạng viên đông khô, môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chùng vi sinh vật. Dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chùng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 - Bảo quản: 2°C đến 8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 5 viên	Hộp					01		
12	Chùng chuẩn vi sinh vật	Candida albicans ATCC ® 14053	Chùng chuẩn có dạng viên đông khô, môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chùng vi sinh vật. Dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chùng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 - Bảo quản: 2°C đến 8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 5 viên	Hộp					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
13	Chủng chuẩn vi sinh vật	Bacillus cereus ATCC ® 11778	Chủng chuẩn có dạng viên đông khô, môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật. Dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 - Bảo quản: 2°C đến 8°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 5 viên	Hộp					01		
14	Hóa chất Acetic acid glacial 99- 100%	Hóa chất	Hóa chất thí nghiệm	Chai 1 Lít	Chai					01		
15	Bộ thuốc thử xét nghiệm miễn dịch dùng cho máy Elisa	CEA ELISA	Thuốc thử CEA được sử dụng để theo dõi những bệnh nhân có khối u ác tính đã được chẩn đoán, những bệnh nhân đã quan sát thấy nồng độ CEA tăng cao.	Hộp 96 test	Hộp					01		
16	Bộ thuốc thử xét nghiệm miễn dịch dùng cho máy Elisa	PSA ELISA	Thuốc thử được dùng để phát hiện dưới dạng phân tử tự do hoặc phức hợp bằng các phương pháp miễn dịch học. Tổng PSA được phát hiện bởi ELISA.	Hộp 96 test	Hộp					01		
17	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa	Triiodothyronine – Total (T3)	Để xác định định lượng trực tiếp Hormone tuyến giáp T3	Hộp 96 test	Hộp					02		
18	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa	Thyroxine – Total (T4)	Để xác định định lượng trực tiếp Hormone tuyến giáp TSH	Hộp 96 test	Hộp					01		
19	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa (fT4)	Thyroxine – Free (fT4)	Để xác định định lượng trực tiếp Hormone tuyến giáp TSH	Hộp 96 test	Hộp					01		
20	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa (TSH)	TSH	Để xác định định lượng trực tiếp Hormone tuyến giáp TSH	Hộp 96 test	Hộp					02		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
21	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa (Echinococcus IgG Elisa Kit)	Echinococcus IgG Elisa Kit	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh với Echinococcus sp sử dụng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA)	Hộp 96 test	Hộp					01		
22	Hóa chất chẩn đoán dùng cho máy Elisa	Fasciola IgG Elisa Kit	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh của Fasciola sử dụng xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzyme (ELISA)	Hộp 96 test	Hộp					01		
23	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm Elisa	Cysticercosis IgG (T.Solium) Elisa Kit	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG trong huyết thanh đối với Taenia solium bằng kỹ thuật Xét nghiệm chất hấp thụ miễn dịch liên kết với enzym (ELISA)	Hộp 96 test	Hộp					01		
24	Hydrogen peroxide H ₂ O ₂ 50%	Hydrogen peroxide H ₂ O ₂ 50%	Hydrogen peroxide H ₂ O ₂ 50%	Can 30lit	Can					04		
25	Coagulase-huyết tương thỏ đông khô	CTCOA	Huyết tương thỏ đông khô	Lọ 30 test	Lọ					01		
26	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	LYSINE DECARBOXYLASE BROTH	Môi trường khử nước được sử dụng để xác định vi sinh vật, đặc biệt là trực khuẩn đường ruột, dựa trên quá trình khử cacbon của lysine. - Thành phần (g/l): Peptone 5.0; Yeast Extract 3.0; Dextrose 1.0; L-Lysine 5.0; Bromcresol Purple 0.02; pH cuối cùng 6.8 ± 0.2. - Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be sáng. - Bảo quản: 10-25°C - Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE	Hộp 100g	Hộp					01		
27	Chất thử/Hóa chất định danh vi sinh vật	KOVAC'S REAGENT	Thuốc thử sử dụng để xác định khả năng sinh Indole của vi khuẩn bằng cách khử tryptophan mà chủ yếu là ở họ	4x250ml	Hộp					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			<p>Enterobacteriaceae.</p> <p>- Thành phần: Mỗi chai chứa 5% (w/v) p-dimethylaminobenzaldehyde hòa tan trong dung dịch axit hydrocloridric 25% và isobutyl alcohol 75%</p> <p>- Trạng thái: Dung dịch lỏng.</p> <p>- Bảo quản: 2-8°C tránh ánh sáng</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE</p>									
28	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh KLIGLER IRON AGAR	KLIGLER IRON AGAR	<p>Môi trường phân lập dùng để xác định nhóm vi khuẩn đường ruột Enterobacteria.</p> <p>- Thành phần: Proteose Peptone 20.0; Sodium Chloride 5.0; Yeast Extract 3.0; Meat Extract 3.0; Ferrous Sulfate 0.2; Sodium 01Thiosulphate 0.3; Lactose 10.0; Glucose 1.0; Phenol Red 0.024; Agar 11.0. pH cuối cùng 7.4 ± 0.2 ở 25 °C.</p> <p>- Môi trường bột mịn, đồng nhất, màu hồng nhạt</p> <p>- Bảo quản ở 10- 30 °C</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE</p>	Hộp 500g	Hộp					01		
29	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	CARY BLAIR TRANSPORT MEDIUM	<p>Môi trường bán rắn để thu thập, vận chuyển và bảo quản vi sinh vật.</p> <p>- Thành phần (g/l): Sodium Thioglycollate 1.5; Disodium Phosphate 1.1; Calcium Chloride 0.09; Sodium Chloride 5.0; Agar 5.0; pH cuối cùng 8.4 ± 0.2 ở 25°C.</p> <p>- Môi trường tổng hợp dạng bột mịn, đồng nhất, màu be sáng.</p> <p>- Bảo quản ở 10-25 °C</p>	Hộp 500g	Hộp					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			- Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: ISO, CE									
30	Dung dịch nhuộm Giemsa	01GM1000	Dung dịch nhuộm Giemsa được sử dụng với May Grünwald để nhuộm các loại tế bào khác nhau trong máu và tế bào tủy xương. Phương pháp nhuộm này cũng được sử dụng để làm nổi bật Helicobacter pylori trong mô học	Chai 01 lit	Chai					03		
31	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng cho máy phân tích sinh hóa	LDL-CHOLESTEROL	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol ; dải đo: 0.26-10.3 mmol/L ; phương pháp: Enzymatic colour . Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L;		Hộp					01		
32	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng cho máy phân tích sinh hóa (TOTAL BILIRUBIN)	TOTAL BILIRUBIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin	4x15ml+4x15ml	Hộp					01		
33	Hóa chất chẩn đoán in-vitro dùng cho máy phân tích sinh hóa (DIRECT BILIRUBIN)	DIRECT BILIRUBIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	4x20ml+4x20ml	Hộp					01		
34	Hóa chất Nitric acid 65% a.r. 1L	Hóa chất	Hóa chất thí nghiệm	Chai/ lít	Chai					01		
35	Hóa chất xét nghiệm định tính vi rút SARS-CoV-2	NGenePlex nCoV qRT-PCR Kit	Bộ xét nghiệm dùng để phát hiện định tính axit nucleic của SARS-CoV-2 từ mẫu phết tăm bông ty hầu của những người nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm COVID-19 bằng phương pháp Realtime RT-PCR. - Bộ xét nghiệm ở dạng sẵn sàng sử dụng để phát hiện 2019-nCoV bằng phản ứng chuỗi polymerase	96 test/Kit	Kit					01		

TT	Tên thiết bị y tế, vật tư, hóa chất	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Phân nhóm	Giấy phép	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			<p>phiên mã ngược (RT-PCR) trên hệ thống máy realtime PCR. Hỗn hợp thuốc thử chứa các môi và đầu dò đặc hiệu trình tự đích nhằm khuếch đại đặc hiệu RNA virus. Phản ứng được thực hiện trong 1 bước Realtime RT-PCR, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phản ứng phiên mã ngược (RT), phiên mã RNA virus thành các cDNA. • Phản ứng khuếch đại (PCR), trong đó các enzyme DNA polymerase bền nhiệt được sử dụng để khuếch đại các trình tự gen đặc trưng. • Định lượng, khi huỳnh quang được tạo ra và đo đặc bằng hệ thống quang học trên máy realtime trong suốt quá trình PCR. <p>- Các đoạn cDNA của virus được khuếch đại và phát hiện trên các kênh màu huỳnh quang FAM, HEX/VIC, và Cal Red 610/Texas Red/ROX với các bộ đập phát quang NFQ-MGB.</p>									
III. SINH PHẨM												
1	AccuPower HIV-1 Quantitative RT-PCR Kit	AccuPower HIV-1 Quantitative RT-PCR Kit	<p>LoD: ≥ 33.1 IU/ml; LoQ: 1.7 log₁₀ IU.ml, độ nhạy 96.99%, độ đặc hiệu 100%, thể tích mẫu 400 microlit; có nội kiểm, nhiệt độ bảo quản: -25°C - (-15°C);</p>	Hộp 96 test	Hộp					03		